

Câu 41: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về hoạt động và tác động của Tin phong Bắc bán cầu ở nước ta?

- A. Tạo mưa phùn ẩm ướt ở cuối đông.
B. Tạo mùa khô sâu sắc cho Nam Bộ.
C. Gây thời tiết hanh khô ở miền Bắc.
D. Hoạt động quanh năm ở nước ta.

Câu 42: Đồng bằng ven biển nước ta

- A. có nhiều vùng trũng lớn chưa bồi lấp.
B. chỉ duy nhất do phù sa biển bồi đắp.
C. diện tích lớn hơn đồng bằng châu thổ.
D. khả năng mở rộng ra biển không lớn.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây đồng cấp với nhau?

- A. Sóc Trăng và Hạ Long.
B. Thanh Hóa và Cẩm Phả.
C. Phan Thiết và Nha Trang.
D. Phúc Yên và Nam Định.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Hóa chất.
B. Vật liệu xây dựng.
C. Cơ khí.
D. Đóng tàu.

Câu 45: Địa hình vùng núi Trường Sơn Nam phân bậc rõ nét chủ yếu do

- A. sự phun trào mắc ma, quá trình phong hóa khác nhau ở mỗi thời kì.
B. các quá trình nội lực lâu dài, quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ.
C. vận động kiến tạo trong Tân sinh, tác động bào mòn của ngoại lực.
D. cường độ nâng không đều trong Tân sinh, xâm thực mạnh của nước.

Câu 46: Sinh vật Biển Đông có năng suất sinh học cao chủ yếu do

- A. trên đường di cư sinh vật, biển ấm, diện tích rộng lớn.
B. thềm lục địa rộng nông, biển ấm, độ muối trung bình.
C. biển tương đối kín, nhiệt ẩm cao, thềm lục địa rộng.
D. biển nhiệt đới, giàu ô xi, nhiều dòng biển hoạt động.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành da, giầy có ở các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?

- A. Phú Li, Nam Định, Thanh Hóa.
B. Việt Trì, Hạ Long, Phú Li.
C. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang.
D. Thanh Hóa, Vinh, Huế.

Câu 48: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG XOÀI VÀ CAM, QUÝT NƯỚC TA, NĂM 2015 VÀ 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2020
Xoài	702,9	892,7
Cam, quýt	727,4	1359,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng xoài và cam, quýt của nước ta năm 2015 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
B. Tròn.
C. Đường.
D. Kết hợp.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

- A. Sơn Tây.
B. Dung Quất.
C. Việt Trì.
D. Trà Vinh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết mũi Kê Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên.
B. Khánh Hòa.
C. Ninh Thuận.
D. Bình Thuận.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây trồng nhiều chè nhất?

- A. Lâm Đồng.
B. Gia Lai.
C. Kon Tum.
D. Đắk Lắk.

Câu 52: Vùng biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành

- A. trồng lúa và giao thông vận tải biển. B. du lịch và trồng cây ăn quả cận nhiệt.
C. lâm nghiệp và khai thác khoáng sản. D. khai thác thủy hải sản và du lịch biển.

Câu 53: Tính chất nhiệt đới của sinh vật phần lãnh thổ phía Bắc nước ta bị suy giảm chủ yếu do

- A. nhiều núi cao, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh, đất đa dạng.
B. nằm ở gần chí tuyến, địa hình phân bậc, có một mùa đông lạnh.
C. nằm trong vùng nhiệt đới, mùa đông lạnh, nguồn nước dồi dào.
D. khí hậu nhiệt đới, địa hình khá đa dạng, tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 54: Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2015 VÀ 2020

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2015	2020
Lào	14420,1	19061,5
Ma-lai-xi-a	298716,0	337286,9
Mi-an-ma	59795,3	70176,7

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với GDP của các nước trên?

- A. Lào tăng nhanh nhất. B. Ma-lai-xi-a tăng nhanh nhất.
C. Mi-an-ma tăng nhiều nhất. D. Lào tăng nhiều nhất.

Câu 55: Vùng núi Tây Bắc có độ cao địa hình lớn hơn vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động của

- A. tác động của nội lực, hướng địa hình, quá trình xâm thực mạnh.
B. ngoại lực bào mòn yếu, nhiều mảng nền lớn, gần tâm vận động.
C. vị trí địa lý, cường độ nâng trong Tân kiến tạo, các mảng nền cổ.
D. các khối núi, vận động nâng lên mạnh, cường độ phong hóa yếu.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, các đô thị loại 2 của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Đà Nẵng và Phan Thiết. B. Tam Kỳ và Phan Rang - Tháp Chàm.
C. Quảng Ngãi và Tuy Hòa. D. Quy Nhơn và Nha Trang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có điểm cực Tây của đất nước?

- A. Quảng Ninh. B. Lai Châu. C. Điện Biên. D. Hà Giang.

Câu 58: Thiên nhiên vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta

- A. có nhiều thiên tai, đất đai kém màu mỡ. B. đồng bằng mở rộng, nhiều bãi triều thấp.
C. phong cảnh rất trữ phú, thềm lục địa rộng. D. đồng bằng bị chia cắt, đất đai rất màu mỡ.

Câu 59: Tài nguyên vô tận ở biển Đông là

- A. Dầu khí. B. Cát. C. Muối. D. Titan.

Câu 60: Biển Đông

- A. nằm trong vùng cận nhiệt gió mùa. B. có diện tích lớn trong Đại Tây Dương.
C. là vùng biển chung của nhiều nước. D. phía tây có các vòng cung đảo lớn.

Câu 61: Chế độ nhiệt vào mùa đông của vùng núi Đông Bắc khác vùng núi Tây Bắc chủ yếu do

- A. gió mùa Đông Bắc, hướng của các dãy núi, đặc điểm vị trí địa lý.
B. có các dãy núi cao, hoạt động của gió mùa Đông Bắc, frông cực.
C. hướng địa hình, frông cực, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
D. giáp biển Đông, hướng địa hình khá đa dạng, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 62: Lãnh thổ nước ta

- A. trải dài theo chiều đông tây. B. vùng đất rộng hơn vùng biển.
C. vị trí nằm ở vùng xích đạo. D. tiếp giáp với nhiều quốc gia.

Câu 63: Đặc điểm nào sau đây thể hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta?

- A. Cán cân bức xạ dương quanh năm. B. Tổng số giờ nắng có sự phân hóa.
C. Nhiệt độ tăng dần từ bắc vào nam. D. Các vùng núi cao có nhiệt độ thấp.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây phân bố trên đảo?

- A. Tam Đảo. B. Côn Đảo. C. Bến En. D. Cát Tiên.

Câu 65: Phần lãnh thổ phía Nam nước ta

- A. đồng bằng có thể trồng các cây cận nhiệt. B. xuất hiện nhiều loài rụng lá vào mùa khô.
C. trong rừng có nhiều loài thú có lông dày. D. có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao.

Câu 66: Vị trí nằm ở rìa đông lục địa Á – Âu thông ra Thái Bình Dương rộng lớn đã làm cho khí hậu nước ta

- A. có nền nhiệt cao, tăng dần từ bắc vào nam. B. phân mùa sâu sắc, mang tính thất thường.
C. có lượng mưa lớn, cân bằng ẩm luôn dương. D. mang tính chất nhiệt đới, nhiều thiên tai.

Câu 67: Vùng trời nước ta có ranh giới trên biển là

- A. vùng nội thủy và không gian các quần đảo.
B. toàn bộ không gian trên các đảo và quần đảo.
C. toàn bộ mặt biển và không gian các quần đảo.
D. ranh giới ngoài lãnh hải và không gian các đảo.

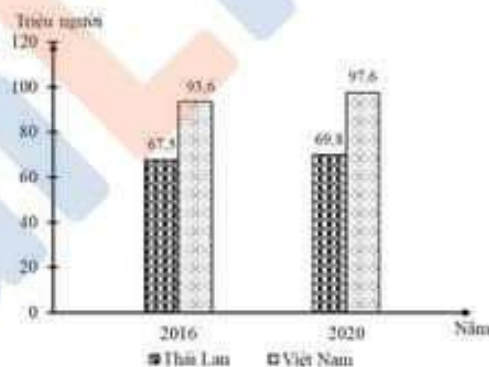
Câu 68: Hạ lưu đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long hằng năm tiến ra biển lớn chủ yếu do

- A. diện tích lưu vực lớn, rừng ngập mặn còn nhiều.
B. xâm thực đồi núi mạnh, thêm lục địa rộng, nông.
C. địa hình ven biển đa dạng, phù sa biển khá lớn.
D. hàm lượng phù sa lớn, nhiều dòng biển ở ven bờ.

Câu 69: Đất feralit chiếm phần lớn diện tích nước ta chủ yếu do

- A. khí hậu phân mùa, đá mẹ axit chiếm diện tích lớn.
B. nhiệt độ cao, mưa nhiều, đồi núi thấp là chủ yếu.
C. địa hình đa dạng, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. nhiệt độ cao, mưa phân mùa, có nhiều núi cao.

Câu 70: Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Số dân Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam. B. Số dân Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
C. Số dân Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan. D. Số dân Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Lâm Viên. B. Mơ Nông. C. Đắk Lắk. D. Kon Tum.

Câu 73: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã làm cho sông ngòi nước ta có đặc điểm chủ yếu nào sau đây?

- A. Giàu phù sa, chủ yếu là sông nhỏ, chế độ nước phân mùa.
B. Có lưu vực nhỏ, hàm lượng phù sa lớn, mạng lưới dày đặc.
C. Nhiều nước, nước sông phân mùa, mang tính thất thường.
D. Mạng lưới dày đặc, hướng đa dạng, lưu lượng nước lớn.

Câu 74: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

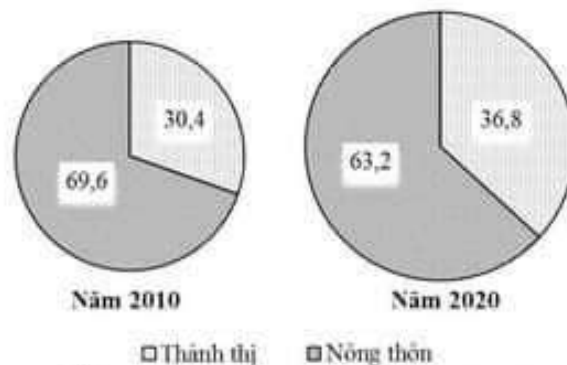
A. Nam Trung Bộ.

B. Đông Bắc Bộ.

C. Tây Bắc Bộ.

D. Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 75: Cho biểu đồ về dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn nước ta năm 2010 và 2020 (Đơn vị: %):



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và tốc độ tăng trưởng dân số phân theo thành thị và nông thôn.

B. Quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

C. Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng số dân phân theo thành thị và nông thôn.

D. Sự chuyển dịch và tốc độ tăng trưởng dân số phân theo thành thị và nông thôn.

Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

A. Sông Ba.

B. Sông Mã.

C. Sông Thu Bồn.

D. Sông Thái Bình.

Câu 77: Các loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu do

A. nằm trong vùng nội chí tuyến, đồng bằng và đồi núi thấp chủ yếu.

B. có nhiều cao nguyên rộng lớn, nhiệt độ tăng dần từ bắc vào nam.

C. vị trí nằm trên đường di lưu, di cư của sinh vật, địa hình đa dạng.

D. số giờ nắng nhiều, lượng mưa phân hóa theo các miền tự nhiên.

Câu 78: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm nào trong các trung tâm kinh tế sau đây có quy mô lớn nhất?

A. Thái Nguyên.

B. Quy Nhơn.

C. Hải Phòng.

D. Nam Định.

Câu 79: Địa hình nước ta

A. có hai hướng chính, diện tích đồi núi nhỏ.

B. thấp dần ra biển, mang tính cận nhiệt đới.

C. cấu trúc khá đa dạng, chủ yếu là núi cao.

D. có sự phân hóa, con người tác động mạnh.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 26, cho biết khai thác bô xít có ở tỉnh nào sau đây?

A. Hà Giang.

B. Lai Châu.

C. Cao Bằng.

D. Lào Cai.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh: